

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh
Bà Đỗ Thị Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1980.

Địa chỉ: xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh Trần Quảng N; Sinh năm 1981. Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi ĐKKHKT: xã Đàm Hà, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Korea. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Quảng N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc bình thường. Vì lý do kinh tế, tháng 8 năm 2007 anh Trần Quảng N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ khi anh N đi Hàn Quốc chỉ gọi điện về hỏi thăm vợ con chứ chưa về Việt Nam lần nào. Qua thời gian xa cách, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cả hai ít quan tâm nhau, anh N không có ý định về nước mà muốn tiếp tục làm ăn

sinh sống tại Hàn Quốc. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Quảng N.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Hoàng P và Trần Hoàng H, cùng sinh ngày 23/6/2007. Quan điểm của chị D sau khi ly hôn, xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn đề nghị nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án của anh Trần Quảng N (đã hợp pháp hóa lãnh sự), anh Trần Quảng N khai: Anh Trần Quảng N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Anh N đồng ý để chị Nguyễn Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Trần Hoàng P và Trần Hoàng H, cùng sinh ngày 23/6/2007 cho đến khi thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt anh và không cần qua thủ tục hòa giải.

Cháu Trần Hoàng P và Trần Hoàng H đều có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị D nếu bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: anh Trần Quảng N và chị Nguyễn Thị D đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh thì anh Trần Quảng N và chị Nguyễn Thị D đăng kí kết hôn ngày 02/3/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh N và chị D sống hạnh phúc bình thường. Từ năm 2007, anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay không về nước, vợ chồng mỗi người một nơi. Anh N cũng không có ý định về nước mà muốn tiếp tục làm ăn sinh sống tại Hàn Quốc. Đời sống hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin được ly hôn anh N, anh N đồng ý ly hôn chị D. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh N và chị D là tự nguyện, hai anh chị đều xác định hai bên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D

và giải quyết cho chị D được ly hôn với anh N là phù với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: vợ chồng chị D và anh N có 2 con chung là Trần Hoàng P và Trần Hoàng H, cùng sinh ngày 23/6/2007. Chị D có nguyện vọng xin nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý để chị D nuôi con và không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu P và cháu H cũng có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Nên Hội đồng xét xử giải quyết giao hai con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nguyện vọng của các bên, không trái quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Quảng N.

[2] Về nuôi con chung: giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng P, sinh ngày 23/6/2007 và Trần Hoàng H, sinh ngày 23/6/2007 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Trần Quảng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Trần Quảng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy chị Nguyễn Thị D không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì anh Trần Quảng N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0015839 ngày 06-01-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự. Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Trần Quảng N có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Q;
- VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sinh Đỗ Thị Xanh

Nguyễn Trí Chính

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Quảng Tân, h. Đàm Hà;
- VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sinh Đỗ Thị Xanh

Nguyễn Trí Chính